TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2022
V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Ông Lý Trung Hiếu;

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 19-11-2021 về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20-12-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05-01-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Như N; sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Vũ Bích T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Khe T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2021 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Như N trình bày:

Anh và chị Vũ Bích T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01-02-2010, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T thường đi làm ăn xa anh không đồng ý nhưng chị T vẫn đi làm xa, dẫn đến vợ chồng ít có thời gian quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 09-8-2010, cháu H hiện đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo phiên hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án có gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị Vũ Bích T nhưng chị T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14-12-2021 (Bút lục số 30) chị Vũ Thị B là chị gái của chị Vũ Bích T, cư trú cùng thôn T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái, cho biết: Em gái tôi là Vũ Bích T kết hôn với anh Nguyễn Như N, trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 01/02/2010. Sau khi kết hôn T và N chung sống tại thôn T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do T đi làm ăn xa vợ chồng ít có thời gian quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay N xin ly hôn T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: N và T có 01 con chung Nguyễn Tuấn H sinh ngày 09/8/2010, cháu H hiện đang ở với N, do N trực tiếp chăm sóc. Ly hôn đề nghị Toà án giải quyết giao con chung theo nguyện vọng của em N. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng N, T tự thoả thuận. Tôi đã nhận Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Toà án thay T, tôi đã thông báo cho T biết việc N khởi kiện xin ly hôn T tại Toà án nhưng đến nay T không về để giải quyết vì đi làm ăn xa, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 12 năm 2021 trưởng thôn T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái, cho biết: Anh Nguyễn Như N và chị Vũ Bích T có đăng ký nhân khẩu tại thôn T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Anh Nguyễn Như N và chị Vũ Bích T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái ngày 01/02/2010, sau khi kết hôn anh N và chị T chung sống tại thôn T, xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái, gần đây chị T đi làm ăn xa ít về gia đình. Về con chung anh N và chị T có 01 con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 09/8/2010, cháu H hiện nay đang ở cùng anh N; Về tài sản chung, nợ chung anh N và chị T có hay không trưởng thôn không rõ.

Anh Nguyễn Như N xin ly hôn chị Vũ Bích T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VY, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Nguyễn Như N được ly hôn chị Vũ Bích T; Giao con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 09-8-2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom đối với con chung, không ai được ngăn cản; Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Vũ Bích T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị Vũ Bích T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Như N và chị Vũ Bích T trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 02 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện VY, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Như N và chị Vũ Bích T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống anh N và chị T tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, không thống nhất được nơi làm ăn kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 2 năm 2019 đến nay. Chị T thường đi làm ăn xa ít có thời gian quan tâm, chăm sóc gia đình. Từ đó vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi chị T nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại gia đình chị T thì mâu thuẫn giữa chị T và anh N là đúng, anh N và chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên thấy yêu cầu ly hôn của anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Như N.

[4] Về con chung: Anh N và chị T có 01 con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 09-8-2010. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Cháu H hiện đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu H cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H muốn được ở cùng anh N. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 09-8-2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Như N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Như N được ly hôn chị Vũ Bích T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2010 cho anh Nguyễn Như N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Như N không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Như N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí anh N đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001317 ngày 19-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Vũ Bích T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Như N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Bích T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện VY;
- Thi hành án DS huyện VY;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương